| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 1660/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 11 - 2018
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Điệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Sỹ Thiệu;

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Đình Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 767/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2018 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 474/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 403/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thụy Mộng T, sinh năm 1978; Địa chỉ: đường L, Phường MS, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Phi V, sinh năm 1976; Địa chỉ: Địa chỉ: đường L, Phường MS, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thụy Mộng T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Hà Phi V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 141 quyển số 01/2003 ngày 29/8/2003 của UBND Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V nghiện ma túy, thường xuyên yêu cầu bà đưa tiền để chích ma túy, khi không có tiền đưa thì vô cớ đánh đập bà. Bà và cha mẹ chồng đã nhiều lần đưa ông V đi cai nghiện ở Trung tâm Nhị Xuân, sau đó tiếp tục đi cai

nghiện ở Trung tâm Bình Triệu nhưng đến nay vẫn không cai được. Vì vậy mà ông V không lo làm ăn, cũng không phụ giúp được bà trong công việc gia đình, những lúc tỉnh táo thì lại ghen tuông vô cớ. Bà đã cố gắng khuyên nhủ để ông V cai nghiện ma túy nhưng không có kết quả. Do chưa tìm được nơi ở mới nên hiện nay bà và ông V vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hà Phi V.

Về con chung: Có 01 con tên Hà Nguyễn Duy A, sinh ngày 03/8/2004. Bà Thu yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ tại nơi cư trú của ông V nhưng ông vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Hà Phi V.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thụy Mộng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Bị đơn là ông Hà Phi V vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Nguyễn Thụy Mộng T và ông Hà Phi V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 141 quyển số 01/2003 ngày 29/8/2003 của UBND Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Nguyễn Thụy Mộng T có yêu cầu ly hôn với ông Hà Phi V và theo kết quả xác minh thì bị đơn đang thường trú tại địa chỉ 945/6 Lê Đức Thọ, Phường 16, quận Gò Vấp nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Hà Phi V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Mộng T cho rằng bà và ông Hà Phi V trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V nghiện ma túy, thường xuyên yêu cầu bà đưa tiền để chích ma túy, khi bà không có tiền đưa thì vô cớ đánh đập bà. Những lúc tỉnh táo thì không lo làm ăn, cũng không phụ giúp được bà trong công việc gia đình mà lại còn ghen tuông vô cớ. Bà đã cố gắng khuyên nhủ để ông V cai nghiện ma túy nhưng không có kết quả. Ông bà hiện vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu được ly hôn với ông Hà Phi V.

[4] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…"*, nhưng theo nguyên đơn trình bày thì bà và ông Hà Phi V đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012, ông bà không còn thương yêu, tôn trọng nhau, cũng không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để vun đắp cho cuộc sống. Mặc dù còn sống chung nhà nhưng mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc nhau.

[5] Tòa án đã triệu tập ông Hà Phi V đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên toà nhưng ông không đến thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm cũng như không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông V còn có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thụy Mộng T yêu cầu ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thụy Mộng T.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thụy Mộng T yêu cầu được trực tiếp nuôi con tên Hà Nguyễn Duy A, sinh ngày 03/8/2004. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà Thu cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Hà Nguyễn Duy A trong Đơn trình bày nguyện vọng là cháu mong muốn được sống với mẹ nên cần được chấp nhận. Bà Thu không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thụy Mộng T khai không có. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Hà Phi V nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các bên sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

*Tuyên xử:*

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thụy Mộng T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Mộng T được ly hôn với ông Hà Phi V.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 141 quyển số 01/2003 ngày 29/8/2003 của UBND Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, hết hiệu lực).

1.2. Về con chung: Giao trẻ Hà Nguyễn Duy A, sinh ngày 03/8/2004 cho bà Nguyễn Thụy Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thụy Mộng T không yêu cầu ông Hà Phi V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hà Phi V được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các bên sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

**2.** Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thụy Mộng T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0029355 ngày 01/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Thu đã nộp đủ án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 16, Q.Gò Vấp, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Điệp**